

Số: **3531** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **25** tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch xét tuyển công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ, về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh, về việc ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức của tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 765/TTr-SNV ngày

25/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 10 chỉ tiêu và kế hoạch xét tuyển công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp năm 2019 (có Bảng chỉ tiêu và Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện việc xét tuyển công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp năm 2019 theo đúng quy định và phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành, kể từ ngày ký. / *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (b/c);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

KẾ HOẠCH

**Xét tuyển công chức đối với người được
cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3531~~ **3531**/QĐ-UBND
ngày **25** / **11**/2019 của UBND tỉnh)

I. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

1. Việc xét tuyển công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và nhu cầu của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
3. Bảo đảm tính cạnh tranh.
4. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.
5. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí cần tuyển dụng.

II. ĐỐI TƯỢNG, CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng tuyển dụng

Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh Đắk Lắk theo quy định của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP, đã tốt nghiệp ra trường, có đủ điều kiện tham gia xét tuyển theo vị trí việc làm cần tuyển.

2. Chỉ tiêu, vị trí cần tuyển dụng:

- a) Tổng chỉ tiêu cần tuyển: 10 chỉ tiêu
- b) Vị trí cần tuyển (có bảng phụ lục nhu cầu xét tuyển kèm theo)

3. Điều kiện đăng ký dự tuyển

a) Người thuộc đối tượng tuyển dụng quy định tại Khoản 1, Mục II Kế hoạch này và có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển, có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ

tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển không trái quy định pháp luật.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ;

3. Bản sao (có chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;

4. Bản sao giấy khai sinh;

5. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

6. Quyết định cử đi học theo chế độ cử tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

7. 03 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận, nơi nhận, số điện thoại.

IV. ƯU TIÊN CỘNG ĐIỂM TRONG XÉT TUYỂN

1. Đối tượng và điểm ưu tiên cộng điểm trong xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào

kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ Điều 519 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự xét tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định như trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào tổng số điểm xét tuyển.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT TUYỂN

Việc xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1:

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2:

a) Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.



3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VII. KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

Kinh phí tổ chức xét tuyển được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nội vụ:

a) Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét tuyển công chức và Ban Giám sát kỳ xét tuyển. Trường hợp không thành lập Hội đồng xét tuyển công chức, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thành lập các bộ phận giúp việc để tổ chức xét tuyển theo quy định.

b) Là cơ quan Thường trực Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm thông báo tuyển dụng; tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển; thông báo danh sách người đủ điều kiện dự tuyển, lệ phí tuyển dụng; triệu tập thí sinh dự xét tuyển; thông báo kết quả xét tuyển, kết quả trúng tuyển đến người dự tuyển.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cử người tham gia các ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển, chuẩn bị các nội dung và điều kiện để tổ chức xét tuyển.

d) Thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương (Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ) đồng thời phải được niêm yết công khai tại Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị để mọi người được biết và thực hiện.

đ) Cử công chức (có danh sách, thời gian trực cụ thể) tham gia tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, thu lệ phí dự thi đối với thí sinh dự tuyển theo thời gian quy định.

e) Thu phí dự tuyển, lập dự trù kinh phí và sử dụng phí theo quy định.

g) Thông báo kết quả tuyển dụng sau khi có Quyết định công nhận kết quả của UBND tỉnh.

h) Ban hành quyết định tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển sau khi có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách trúng tuyển của UBND tỉnh.

i) Quản lý, lưu trữ các tài liệu liên quan đến quá trình xét tuyển.

2. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Đắk Lắk:

Có trách nhiệm thông báo công khai Kế hoạch này để các đối tượng biết và đăng ký dự tuyển.

3. Sở Tài chính:

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch xét tuyển. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức xét tuyển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thông báo công khai tại trụ sở UBND các huyện, thị xã, thành phố về chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung, hình thức tuyển dụng; thời gian, địa điểm nhận hồ sơ theo quy định; thời gian, địa điểm tổ chức xét tuyển.

b) Hướng dẫn thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, phân công công tác theo đúng vị trí, chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng đồng thời bố trí cho thí sinh trúng tuyển tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng chương trình quản lý nhà nước ngạch chuyên viên theo yêu cầu, nhiệm vụ của công chức đảm nhận.

5. Thời gian thực hiện:

Dự kiến bắt đầu triển khai thực hiện từ tháng 12 năm 2019 (có lịch chi tiết công bố cụ thể sau).

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét và giải quyết./. *phv*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC
ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CỬ ĐI HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN SAU KHI TỐT NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số **3531/QĐ-UBND** ngày **25/11/2019** của UBND tỉnh)

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế			Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng				Ghi chú
		Được giao năm 2019	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Số lượng cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển	Trình độ chuyên môn		
							Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
I	UBND huyện Krông Bông	97	94	3	2				
	Phòng Tài chính - Kế hoạch				1	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Đại học	Tài chính ngân hàng	
	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				1	Quản lý thương mại, Quản lý xây dựng	Đại học	Kinh tế xây dựng và quản lý dự án	
II	UBND huyện M'Drắk	96	88	8	1				
	Phòng Văn hóa và Thông tin				1	Quản lý Thông tin - Truyền thông	Đại học trở lên	Bưu chính viễn thông hoặc công nghệ thông tin	
III	UBND thị xã Buôn Hồ	100	93	7	2				
	Phòng Nội vụ				1	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thị xã	Đại học	Quản lý nhà nước	
	Phòng Dân tộc				1	Theo dõi công tác dân tộc	Đại học	Kinh tế nông lâm	

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế			Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng				Ghi chú
		Được giao năm 2019	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Số lượng cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển	Trình độ chuyên môn		
							Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
IV	UBND huyện Buôn Đôn	101	95	6	2				
	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội				1	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề; bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Đại học trở lên	Hành chính	
	Văn phòng HĐND và UBND				1	Hành chính một cửa	Đại học trở lên	Hành chính	
V	UBND huyện Cư Kuin	102	99	3	1				
	Phòng Dân tộc				1	Theo dõi công tác dân tộc	Đại học	Kinh tế nông lâm	
VI	UBND huyện Ea Kar	103	95	8	1				
	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				1	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	Đại học trở lên	Cử nhân Kinh tế	
VII	UBND huyện Krông Ana	100	87	13	1				
	Phòng Dân tộc				1	Theo dõi công tác dân tộc	Đại học	Kế toán	
TỔNG CỘNG					10				